

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: **103** /QĐ-BNN-TC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **24** tháng **01** năm **2011**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN-TC ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BNN-TC ngày 20/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v giao dự toán NSNN năm 2011 (lần 1) cho các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi NSNN năm 2011 (lần 1) cho:

**Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp** (chi tiết theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2011 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

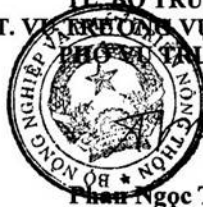
Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp II giao dự toán NSNN cho các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, TC.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. V. TÀI CHÍNH VÀ VỤ TÀI CHÍNH**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Phan Ngọc Thuỷ**

Phụ lục 02:



**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2011**

**Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp**

**Sử dụng ngân sách: 1052499**

(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-BNN-TC ngày 24 tháng 01 năm 2011  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐVT: 1.000 đồng

| Loại-Khoản | Mã số | TT  | Nội dung                                                         | Tổng số          | Ghi chú |
|------------|-------|-----|------------------------------------------------------------------|------------------|---------|
|            |       | II  | <b>DỰ TOÁN CHI NSNN</b>                                          | <b>3.018.000</b> |         |
| 370-371    |       | 1   | <b>Khoa học công nghệ</b>                                        | <b>1.018.000</b> |         |
|            |       | 1.1 | <b>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN</b>                          | <b>1.018.000</b> |         |
|            |       |     | - Trong đó kinh phí không khoán                                  | 1.018.000        |         |
|            |       |     | Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương |                  |         |
|            |       | 1.2 | <b>Kinh phí hoạt động thường xuyên</b>                           |                  |         |
|            |       |     | Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương |                  |         |
|            |       |     | - Kinh phí trích nộp quỹ thi đua khen thưởng của Bộ              |                  |         |
|            |       | 1.3 | <b>Kinh phí không thường xuyên</b>                               |                  |         |
|            |       |     | Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương |                  |         |
| 010-013    |       | 2   | <b>Sự nghiệp kinh tế nông nghiệp</b>                             | <b>1.500.000</b> |         |
|            |       | 2.1 | <b>Kinh phí thường xuyên</b>                                     | <b>1.500.000</b> |         |
|            |       |     | - Trong đó: Kinh phí trích nộp quỹ thi đua khen thưởng của Bộ    | 70.534           |         |
|            |       | 2.2 | <b>Kinh phí không thường xuyên</b>                               |                  |         |
| 280-281    |       | 3   | <b>Sự nghiệp hoạt động môi trường</b>                            | <b>500.000</b>   |         |
|            |       | 3.1 | <b>Kinh phí thường xuyên</b>                                     |                  |         |
|            |       |     | Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương |                  |         |
|            |       | 3.2 | <b>Kinh phí không thường xuyên</b>                               | <b>500.000</b>   |         |

Ghi chú:

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN (mục 1.1) được giao **kinh phí không khoán**, sẽ được điều chỉnh kinh phí khoán khi có hướng dẫn bổ sung
- Vụ KHCN-MT thông báo chi tiết từng nhiệm vụ đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN